TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-7-2023.
V/v: "Tranh chấp về quan hệ hôn nhân của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hữu;

2. Ông Bùi Đắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp về quan hệ hôn nhân của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh N; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn A, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-4-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Y trình bày:

Chị và anh Đặng Văn A chung sống với nhau từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn, chung sống tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh A không lo

làm ăn mà thường xuyên ăn chơi nên anh chị thường xuyên cự cãi với nhau. Chị và anh A vẫn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm với nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa chị và anh A theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 cháu tên Đặng Vỹ Tường, sinh ngày 27-11-2010. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tường và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn A trình bày:

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Bùi Thị Y về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa anh và chị Y theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 cháu tên Đặng Vỹ Tường, sinh ngày 27-11-2010. Nay anh đồng ý giao cháu Tường cho chị Y nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận chị Bùi Thị Y và anh Đặng Văn A là vợ, chồng; về con chung: Giao cháu Đặng Vỹ Tường, sinh ngày 27-11-2010 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, chị Y tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Y và anh Đặng Văn A là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh A.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Y và anh Đặng Văn A chung sống như vợ, chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Y và anh A là vợ, chồng. Việc chung sống giữa chị Y và anh A không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên Đặng Vỹ Tường, sinh ngày 27-11-2010. Chị Y, anh A thống nhất giao cháu Tường cho chị Y nuôi dưỡng và chị Y tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, được Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Y về "Tranh chấp về quan hệ hôn nhân của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đối với anh Đặng Văn A.

Không công nhận chị Bùi Thị Y và anh Đặng Văn A là vợ, chồng. Việc chung sống giữa chị Bùi Thị Y và anh Đặng Văn A không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Vỹ Tường, sinh ngày 27-11-2010 cho chị Bùi Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, chị Bùi Thị Y tự nguyện không yêu cầu anh Đặng Văn A cấp dưỡng nuôi con. Anh Đặng Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Y và anh Đặng Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008166,

ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Bùi Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Đức Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.